TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/HN-ST
Ngày: 23/5/2023.
V/v:"tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Lê Thị Huyền Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thu**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Ngọc Lam Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 110/2023/TLST–HNST ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "*tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 353/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **H.T.H**, sinh năm 1984

Địa chỉ: 86 ấp Tân Hoà, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà **N.T.N.S**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 98/29 Phạm Ngũ Lão, phường An Hoà, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn trình bày:

Ông và bà N.T.N.S chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc tuy nhiên về sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường gây cãi, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Nên ông yêu cầu không nhận quan

hệ vợ chồng với bà N.T.N.S.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là cháu H.T.V (nữ) sinh ngày 23/3/2010. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu bà N.S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

<u>Bị đơn trình bày</u>:

Bà thống nhất lời trình bày của ông H về việc hai người chung sống như vợ chồng từ năm 2008 đến nay và không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: ông bà có 01 con chung là cháu H.T.V (nữ) sinh ngày 23/3/2010. Bà đồng ý giao cháu V cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết

Tại phiên toà,

Nguyên đơn và bị đơn cùng có yêu cầu đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: ông H.T.H và bà N.T.N.S chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng và giải quyết con chung, tài sản chung, nợ chung. Bị đơn bà S có địa chỉ tại phường An Hoà, quận Ninh Kiều nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "không công nhận quan hệ vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa tiến hành các thủ tục công khai chứng cứ, hòa giải và Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo đúng quy định. Nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện*: Thuộc trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Ông H.T.H và bà N.T.N.S đều thừa nhận chung sống với nhau như vợ chồng từ, có tổ chức lễ cưới vào năm 2008 nhưng không đăng ký kết nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống gia

đình không còn hạnh phúc nên ông H khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà S. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về con chung: ông H, bà S cùng xác nhận có 01 con chung là cháu H.T.V (nữ) sinh ngày 23/3/2010. Do các bên cùng thống nhất giao cháu T.V cho ông H.T.H trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự thoả thuận của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N.T.N.S theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản bà S thực hiện quyền này.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: ông H và bà S cùng thống nhất xác nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác

[5] *Về án phí hôn nhân*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H.T.H và bà N.T.N.S.

- Về con chung: giao cháu H.T.V (nữ) sinh ngày 23/3/2010 cho ông H.T.H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà N.T.N.S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà N.T.N.S theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản bà S thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông H và bà S cùng thống nhất xác nhận không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí: Nguyên đơn ông H.T.H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000918 ngày 10/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí. Đương sự đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nói trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu **Nguyễn Thị Hoàng Oanh** **Lê Thị Huyền Trang**